

Bản tin chứng khoán

Trong số này

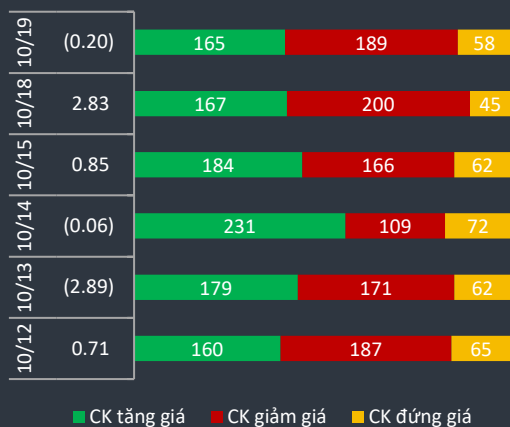
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

DCM		51.51
DPM		47.14
VHC		32.82
VJC		26.03
CTG		25.15
FUEVFVND		18.74
KBC	(28.13)	
VCB	(32.15)	
VCI	(33.05)	
NLG	(55.47)	
NVL	(58.98)	
SSI	(69.38)	
VHM	(89.05)	
HPG	(125.38)	

Thị trường hôm nay giao dịch với kịch bản khá giống phiên đầu tuần dù biên độ thu hẹp hơn. Chỉ số Vnindex đầu phiên giảm nhẹ 2 điểm do lực đè của nhóm vốn hóa lớn. Có thời điểm chỉ số rơi hơn 5 điểm nhưng sau đó nỗ lực thu hẹp đà giảm để lấy lại sắc xanh. Thị trường giữ trạng thái tăng nhẹ cho đến phiên chiều thì lại bị lực cung lớn đè xuống làm đảo chiều chỉ số. Bảng điện cũng khá ảm đạm với hơn 250 mã giảm so với chỉ khoảng 177 mã xanh.

Nhóm Bảo hiểm dậy sóng sau khi đi ngang hơn 2 tuần với hàng loạt cổ phiếu tăng từ 2% - 6% như MIG, ABI, BMI, BVH, PVI ... Đây là nhóm ngành tài chính tăng tốt nhất so với ngân hàng và chứng khoán hôm nay. Nhóm chứng khoán bức phá tốt vào đầu phiên sau đó hạ nhiệt khá nhanh ở các mã VCI, HCM, SSI. Nhóm chứng khoán nhỏ như TCI, EVS, VIX APG tăng khá hơn trên 2%.

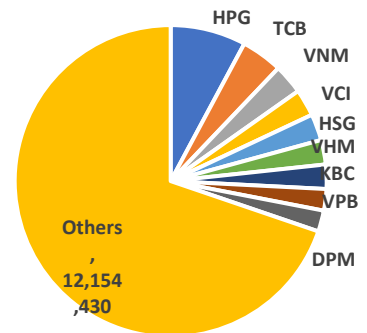
Cổ phiếu ngân hàng trong ngày giao dịch chậm hẳn và giảm nhẹ so với hôm qua khoảng -0.3%. Chỉ có 7/26 mã xanh trong đó EIB tăng tốt nhất 2.2%. Các bank lớn BID, SHB, ACB, VCB, CTG, VPB xanh nhẹ quanh 1%, còn lại hầu hết đều mất điểm nhẹ. OCB trong ngày có thời điểm lên gần 26 nhưng đóng cửa về lại 25.5 – giảm -1%.

Nhóm phân bón có cú đảo chiều bất ngờ khi phiên hôm trước còn giảm mạnh hơn 4% thì hôm nay đã lấy lại đà tăng mạnh mẽ. DPM lên gần sát trần 44.3 trong khi DCM cũng tăng 4.5%. BFC, PSW, PSE đều tăng trên 3%. Diễn biến tích cực của các cổ phiếu ngành phân bón không chỉ đến từ giá phân bón thế giới tăng cao, mà còn từ các thông tin về kết quả kinh doanh quý 3 tích cực. Lợi nhuận của các công ty ngành phân bón sẽ tiếp tục duy trì khả quan trong năm 2021 theo đà tăng của giá phân bón thế giới và có thể tiếp tục nổi dài sang 2022.

Khối ngoại trong ngày bán ròng 386 tỷ đồng trong đó HPG bán ròng nhiều nhất 125 tỷ đồng cùng với VHM (-89 tỷ), SSI (-69 tỷ), NVL (58.9 tỷ). Phía mua ròng ghi nhận DCM, DPM nhiều nhất lần lượt 51 và 47 tỷ đồng. Một số cổ phiếu cũng mua ròng nhẹ như VHC, VJC, CTG.

Vnindex 1,395.3

▼ -0.2 (-0.01%)



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
VJC	135.2	4,000	3.05
BVH	61.4	1,800	3.02
BID	40.1	750	1.91
REE	74.8	800	1.08
ACB	32.3	300	0.94
NVL	102.6	900	0.88
PLX	54.8	400	0.74
VHM	79.4	500	0.63
HVN	25.8	150	0.59
VNM	90.3	500	0.56
VCB	96.4	400	0.42
CTG	30.3	100	0.33
VPB	38.5	100	0.26
SSI	40.9	50	0.12
BCM	44.6	(50)	(0.11)
VIC	92.4	(200)	(0.22)
TPB	43.9	(100)	(0.23)
TCB	52.7	(200)	(0.38)
FPT	98.6	(400)	(0.40)
POW	12.3	(50)	(0.40)
VIB	36.4	(150)	(0.41)
DHG	97.4	(500)	(0.51)
PDR	93.5	(500)	(0.53)
MBB	28.2	(200)	(0.70)
MWG	129.7	(1,000)	(0.77)
GVR	37.5	(350)	(0.92)
SAB	158.5	(1,500)	(0.94)
HDB	25.5	(250)	(0.97)
PNJ	98.0	(1,000)	(1.01)
HPG	57.2	(700)	(1.21)
MSN	141.0	(2,000)	(1.40)
VRE	30.3	(500)	(1.62)
GAS	114.5	(2,000)	(1.72)
STB	26.2	(700)	(2.60)

Chỉ số Vnindex đóng cửa tiếp tục giữ nguyên 1395 và đi ngang phiên thứ 7 liên tiếp. Dù chỉ số index đi ngang nhưng cổ phiếu các nhóm ngành chứng khoán, thép, phân bón, vẫn dẫn đầu thị trường và tăng trưởng ổn định. Một số nhóm ngành khác như dầu khí, bán lẻ, cao su, điện, dệt may cũng cần chú ý dần. Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ cổ phiếu và đảo danh mục các nhóm cổ phiếu tăng trưởng ở các nhịp điều chỉnh.

Thép: NKG, HPG, HSG

Phân đạm: DPM, DCM

Ngân hàng: OCB, TPB, MBB

Các ngành khác: GVR, FPT, SZC, VCI, VND, DPR, BVH, ABI

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
TCM	71.5	13.1	60	80	Mua quanh 62-64. Cắt lỗ nếu dưới 60	10/6/2021	11.7%
PET	30.4	4.1	25	35	Mua vào quanh 28, mục tiêu 35	10/6/2021	8.6%
LCG	17.9	(4.3)	15	24	Mua vào quanh 18	9/28/2021	-0.6%
DPR	74.5	4.5	57	75	Mua vào quanh 65-67	9/21/2021	11.2%
IDC	61.4	21.3	45	65	Mua vào quanh 50-52	9/21/2021	22.8%
REE	74.8	3.3	50	65	Nắm giữ	7/12/2021	46.7%
GVR	37.5	0.8	28	38	Nắm giữ, mục tiêu 42	7/12/2021	27.6%
HCM	39.0	1.2	44	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 48-50	7/12/2021	14.7%
VCI	64.9	5.2	47	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 55-57	7/12/2021	32.4%
SSI	40.9	(1.2)	45	70	Nắm giữ	7/12/2021	23.9%
MBB	28.2	(1.9)	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 32	7/12/2021	-2.8%
OCB	25.5	2.8	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	10.9%
HPG	57.2	0.4	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 50	7/12/2021	27.1%
KBC	43.6	(4.0)	32	45	Mua quanh 35-37	8/28/2021	11.8%
DGW	114.4	(1.1)	120	170	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 110	3/3/2021	128.8%

TNG – Công Ty CP Thương mại và Đầu tư TNG

Price: 31,600

Báo cáo kết quả kinh doanh 9 tháng



Giá mục tiêu	38,000
	(+21%)
Lợi nhuận 2021F	220 tỷ
EPS forecast	2,760
PE forecast	11.1
Ngưỡng hỗ trợ	25,000
Ngưỡng kháng cự	40,000



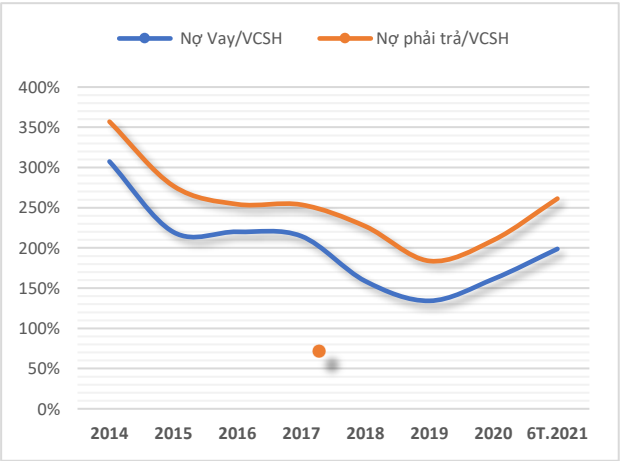
Lợi nhuận 9 tháng hoàn thành 96% kế hoạch

Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư TNG vừa công bố BCTC với Quý III/2021 đạt doanh thu 1.709 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ, sau khi trừ đi giá vốn bán hàng là 1.469 tỷ đồng và chi phí tài chính là 45,8 tỷ đồng, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, Lợi nhuận sau thuế quý III/2021 của Công ty đạt 85,2 tỷ đồng, tăng mạnh so với mức 64,9 tỷ đồng của quý III năm ngoái.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, TNG đạt doanh thu **4.080 tỷ đồng**, lợi nhuận sau thuế **168,7 tỷ đồng**, tăng lần lượt 15,5% và 30,76% so với cùng kỳ. So với kế hoạch lợi nhuận năm là 175 tỷ đồng, 9 tháng, Công ty đã hoàn thành 96% mục tiêu.

Lợi nhuận tăng do ngay từ đầu năm TNG đã định hướng được việc tập trung vào khai thác, tăng tỷ trọng các khách hàng FOB, cùng với việc khách hàng dịch chuyển đơn hàng từ các nước bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh sang Việt Nam cũng như xác định được rõ dòng hàng mục tiêu.

TNG tập trung vào các dòng sản phẩm kỹ thuật, dòng sản phẩm cao cấp hơn cùng với việc áp dụng triệt để các giải pháp quản trị tăng năng suất lao động nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.



TNG	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	6T.2021
Doanh thu	1,377	1,924	1,888	2,489	3,613	4,612	4,480	2,371
Lợi nhuận	53	71	81	115	180	230	154	84
Lợi Nhuận Gộp	262	349	333	437	641	787	676	321
Chi phí lãi vay	(63)	(57)	(67)	(74)	(92)	(101)	(121)	(64)
KLCP DLH (triệu CP)	16	29	34	41	49	65	74	80
VCSH	262	428	521	629	794	1,067	1,148	1,246
Tổng Tài Sản	1,198	1,614	1,846	2,226	2,595	3,027	3,555	4,500
Book Value	16,093	14,520	15,208	15,304	16,094	16,358	15,514	15,659
EPS	3,264	2,418	2,369	2,797	3,653	3,529	2,076	2,159
LN ròng biên	3.9%	3.7%	4.3%	4.6%	5.0%	5.0%	3.4%	3.5%
ROE	20.3%	16.7%	15.6%	18.3%	22.7%	21.6%	13.4%	13.8%
Vay Ngắn Hạn	618	667	833	1,075	1,031	1,051	1,282	1,883
Vay Dài Hạn	188	274	314	275	229	381	571	593
Tổng Nợ vay	806	940	1,147	1,350	1,260	1,432	1,853	2,476
Nợ Vay/VCSH	307.4%	219.7%	220.1%	214.6%	158.6%	134.2%	161.4%	198.8%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

HCD	6.70
SAM	6.75
DPM	6.75
ITD	6.78
PXI	6.79
MCG	6.84
FTM	6.84
CCL	6.86
DLG	6.91
TDC	6.93
HAR	6.94
SAV	6.95
QBS	6.99

Top tăng giá HNX

FID	9.26
PV2	9.43
MBG	9.52
SDA	9.74
KTS	9.77
MAC	10.00
DST	10.00
MEL	10.00
ICG	10.00
MCO	10.00

DGC - CTCP Tập đoàn Hoá chất Đức Giang - Tập đoàn Hoá chất Việt Nam (Vinachem) sẽ chuyển nhượng toàn bộ hơn 15 triệu cổ phiếu DGC, tương đương 8,85% vốn, với giá khởi điểm 152.100 đồng/cp. Phương thức chuyển nhượng sẽ thực hiện khớp lệnh trên sàn chứng khoán. Thời gian thực hiện trong quý 4/2021 hoặc quý 1/2022.

THI - CTCP Đầu tư phát triển Hạ tầng IDICO - Trong quý III/2021, doanh thu thuần của Công ty giảm 80% xuống mức 18,8 tỷ đồng. Sau khi trừ chi phí, HTI báo lỗ sau thuế 13,1 tỷ đồng trong khi cùng kỳ lãi 14,9 tỷ đồng.

Lũy kế 9 tháng năm 2021, doanh thu thuần của HTI đạt 224,9 tỷ đồng, giảm 18% so với cùng kỳ năm ngoái. Theo đó, lợi nhuận sau thuế giảm 65% về mức 15,8 tỷ đồng.

PDR - CTCP Phát triển BĐS Phát Đạt - Ghi nhận lợi nhuận từ chuyển nhượng đất nền, Phát Đạt (PDR) báo lãi 1.110 tỷ đồng trong 9 tháng, tăng 55% so với cùng kỳ 2020.

Riêng quý 3 Phát Đạt có 760 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế. Lợi nhuận sau thuế đạt 607 tỷ đồng, tăng 38,3% so với lợi nhuận đạt được quý 3/2020.

NAF - CTCP Nafoods Group - Dự kiến phát hành gần 3 triệu cổ phiếu ESOP, chiếm tỷ lệ 5% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành. Giá phát hành là 10.000 đồng/CP, tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là gần 30 tỷ đồng. Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu từ ngày 18/10 đến ngày 2/11.

SZC - CTCP Sonadezi Châu Đức - Báo lãi sau thuế 9 tháng đạt 255,5 tỷ đồng, vượt 45% chỉ tiêu lợi nhuận năm

TCO - CTCP Vận tải Đa phương thức Duyên Hải - Ngày 22/10 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 1 năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 25/10. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 6%, thanh toán bắt đầu từ ngày 08/11/2021.

DGC - CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem), thông qua kế hoạch chào bán hơn 15,14 triệu cổ phiếu, tương ứng 8,85%/vốn của DGC trong quý IV/2021-quý I/2022 theo phương thức khớp lệnh.

DMC - CTCP Xuất nhập khẩu Y tế Domesco - Ngày 25/10 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 26/10. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 25%, thanh toán bắt đầu từ ngày 10/12/2021.

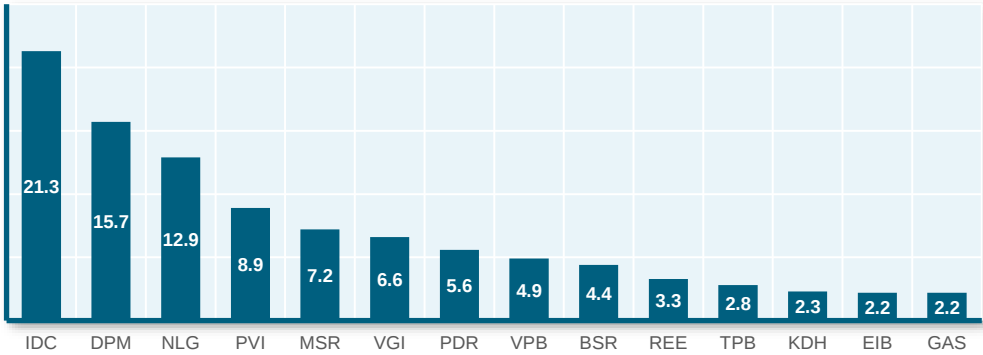


Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	
BID	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	48,524
	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
MBB	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	38.5	10,105,300	7.6	1.6	-	126,100	171,151	8.54	5,056	24,447
VIB	HOSE	36.4	783,300	6.5	2.7	11,500	3,300	56,534	20.50	5,638	13,552
VCB	UPCOM	96.4	836,300	17.4	3.4	129,200	464,900	357,536	23.54	5,532	28,293
VBB	HNX	16.7	15,818	20.1	1.4	-	-	7,977	0.01	830	11,579
VAB	HOSE	16.8	444,752	14.0	1.2	-	-	7,475	-	1,196	13,597
TPB	HOSE	43.9	1,757,300	9.6	2.3	-	-	51,436	30.00	4,565	18,925
TCB	HOSE	52.7	14,167,300	11.4	2.2	-	-	185,025	22.49	4,614	23,938
STB	UPCOM	26.2	8,316,500	13.6	1.6	76,800	760,000	49,393	16.02	1,922	16,846
SSB	HOSE	37.2	1,764,900	21.6	3.0	-	-	49,941	0.02	1,723	12,310
SHB	HOSE	28.0	12,887,400	12.8	2.0	110,200	79,700	53,929	3.90	2,183	14,014
SGB	HNX	17.2	56,839	-	1.4	-	-	5,298	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	23.0	66,834	31.1	1.7	-	-	6,900	15.00	739	13,529
OCB	HNX	25.5	3,972,000	6.7	1.4	-	-	34,932	22.00	3,799	17,827
NVB	HOSE	28.7	141,611	140.0	2.7	7,500	-	11,675	8.47	205	10,726
NAB	HOSE	19.6	86,900	5.8	1.2	-	-	8,946	0.01	3,367	16,324
MSB	HOSE	21.9	2,292,000	6.7	1.2	-	-	25,733	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	28.2	7,689,400	7.2	1.4	428,800	888,100	106,549	23.24	3,897	19,986
LPB	HOSE	21.3	3,879,000	8.2	1.5	22,100	5,200	25,636	3.89	2,591	14,466
KLB	HOSE	23.8	546,304	11.7	1.7	300	4,000	7,614	0.01	2,035	14,117
HDB	HOSE	25.5	2,329,900	6.6	1.5	358,700	526,600	50,702	17.70	3,854	17,399
EIB	HOSE	23.7	180,100	27.1	1.7	10,300	10,100	29,138	29.71	874	14,061
CTG	HOSE	30.3	6,920,900	6.9	1.2	2,083,400	1,254,600	145,614	24.46	4,394	25,028
BVB	HOSE	21.3	1,427,694	18.4	1.7	500	-	7,819	0.06	1,157	12,737
BID	HOSE	40.1	2,212,300	16.0	1.9	7,800	58,900	161,082	16.59	2,512	21,036
BAB	HOSE	21.7	45,005	22.8	1.8	200	-	16,343	-	950	12,242
ACB	HOSE	32.3	3,615,400	7.0	2.2	-	-	87,273	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	20.9	770,584	7.5	1.3	-	-	11,940	30.00	2,801	16,671
			87,311,641	17.87	1.81	3,247,300	4,181,500	1,733,591		2,766	16,602



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	TRC	HOSE	8/11/2021	9/11/2021	26/11/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	DMC	HOSE	25/10/2021	26/10/2021	10/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	BXH	HNX	22/10/2021	25/10/2021	18/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	CCL	HOSE	22/10/2021	25/10/2021	30/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	ISH	UPCoM	21/10/2021	22/10/2021	11/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	TNC	HOSE	21/10/2021	22/10/2021	5/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	SGC	HNX	18/10/2021	19/10/2021	3/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	E29	UPCoM	18/10/2021	19/10/2021	29/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	VMC	HNX	14/10/2021	15/10/2021	1/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	VHF	UPCoM	14/10/2021	15/10/2021	28/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 259 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	NDN	HNX	14/10/2021	15/10/2021	29/10/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	SNC	UPCoM	14/10/2021	15/10/2021	19/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	AAT	HOSE	14/10/2021	15/10/2021	29/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	AAT	HOSE	14/10/2021	15/10/2021		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 1000:115	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
15	PCM	UPCoM	14/10/2021	15/10/2021	1/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 34 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	SSB	HOSE	13/10/2021	14/10/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:10.1304, giá 15,000 đồng/CP	Phát hành thêm
17	GVR	HOSE	13/10/2021	14/10/2021	28/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	TKG	UPCoM	13/10/2021	14/10/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:10, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
19	QLD	UPCoM	12/10/2021	13/10/2021	26/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 252 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	ICC	UPCoM	12/10/2021	13/10/2021	26/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	DBH	UPCoM	12/10/2021	13/10/2021	26/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	VEA	UPCoM	12/10/2021	13/10/2021	15/11/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 462 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	NWT	UPCoM	12/10/2021	13/10/2021	1/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	TNP	UPCoM	11/10/2021	12/10/2021	1/11/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	HU6	UPCoM	11/10/2021	12/10/2021	29/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	HAB	UPCoM	11/10/2021	12/10/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 0%, giá 75,000 đồng/CP	Phát hành thêm
27	HCM	HOSE	11/10/2021	12/10/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 14,000 đồng/CP	Phát hành thêm
28	BVS	HNX	11/10/2021	12/10/2021	20/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931